



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 25

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019
Ông Lee Ying Leong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hùng	Giám đốc Chuỗi Cung ứng	
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	
Ông Hoàng Văn Minh	Giám đốc Nhân sự	từ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thiên Trúc.

Ông Trần Việt Hùng được Tổng Giám đốc ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 001-UQ/AIG-2020 ngày 2 tháng 1 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:



Trần Việt Hưng
Giám đốc, Chịu trách nhiệm

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61417868/21163893

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1



Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		334.500.839.419	152.438.149.410
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.145.384.804	7.470.663.246
111	1. Tiền		4.145.384.804	970.663.246
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.500.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		329.617.299.270	144.418.664.667
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.000.000	-
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	329.597.299.270	144.418.664.667
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		738.155.345	548.821.497
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	71.292.957	153.882.810
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		666.862.388	394.938.687
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.817.446.654.713	1.721.954.768.581
210	I. Phải thu dài hạn		150.094.000	140.094.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	150.094.000	140.094.000
220	II. Tài sản cố định		830.037.373	1.007.902.525
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	830.037.373	1.007.902.525
222	Nguyên giá		1.067.190.909	1.067.190.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(237.153.536)	(59.288.384)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	7	1.815.455.536.100	1.719.226.742.370
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.845.035.024.316	1.721.827.055.900
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(29.579.488.216)	(2.600.313.530)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.010.987.240	1.580.029.686
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.010.987.240	1.580.029.686
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.151.947.494.132	1.874.392.917.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		48.780.369.245	525.228.907
310	I. Nợ ngắn hạn		48.780.369.245	525.228.907
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		128.073.382	348.264.067
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		301.105.650	100.161.790
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	9	1.305.584.352	18.598.000
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		45.605.861	58.205.050
320	5. Vay ngắn hạn	10	47.000.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.103.167.124.887	1.873.867.689.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	11.1	2.103.167.124.887	1.873.867.689.084
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)		223.154.144.887	(6.145.290.916)
421a	- Lũ lũy kế đến cuối năm trước		(6.145.290.916)	(668.742.967)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ) năm nay		229.299.435.803	(5.476.547.949)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.151.947.494.132	1.874.392.917.991



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Giám đốc Chuối cung ứng

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	12	269.895.655.895	1.966.257.935
22 23	2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	13	(27.788.817.658) (809.642.972)	(4.926.471.065) (2.326.157.535)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	(12.779.996.941)	(2.447.378.854)
30	4. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		229.326.841.296	(5.407.591.984)
31	5. Thu nhập khác		152	-
32	6. Chi phí khác		(27.405.645)	-
40	7. Lỗ khác		(27.405.493)	-
50	8. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		229.299.435.803	(5.407.591.984)
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.1	-	(68.955.965)
60	10. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		229.299.435.803	(5.476.547.949)


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		229.299.435.803	(5.407.591.984)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6	177.865.152	59.288.384
03	Dự phòng	13	26.979.174.686	2.600.313.530
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(269.895.655.895)	(1.966.257.935)
06	Chi phí lãi vay	13	809.642.972	2.326.157.535
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.629.537.282)	(2.388.090.470)
09	Tăng các khoản phải thu		(755.299.701)	(929.515.957)
11	Tăng các khoản phải trả		1.162.178.495	399.122.942
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		651.632.299	(1.733.912.496)
14	Tiền lãi vay đã trả		(647.725.164)	(3.425.875.285)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.955.965)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(12.287.707.318)	(8.078.271.266)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(1.067.190.909)
23	Tiền chi cho vay	16	(30.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay	16	30.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(352.171.902.488)	(1.873.037.715.900)
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		314.134.331.364	9.639.580.538
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(38.037.571.124)	(1.864.465.326.271)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.862.012.980.000
33	Tiền thu từ đi vay		47.376.377.250	20.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(376.377.250)	(92.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		47.000.000.000	1.790.012.980.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(3.325.278.442)	(82.530.617.537)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.470.663.246	90.001.280.783
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	4.145.384.804	7.470.663.246



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Giám đốc Chuỗi cung ứng

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 22 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp, trong đó:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC.

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI.

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS.

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC.

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")**

AIC là một công ty cổ phần được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 4, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 99,84% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC.

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE.

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AHS có trụ sở chính đăng ký tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 65% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần ARC Bình Dương ("ARC")**

ARC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702831258 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019. ARC có trụ sở chính đăng ký tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ARC là dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 98,31% tỷ lệ sở hữu và 98,46% quyền biểu quyết trong ARC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các Công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải 6 năm

3.5 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số liên phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	93.398.500	4.729.889
Tiền gửi ngân hàng	4.051.986.304	965.933.357
Các khoản tương đương tiền	-	6.500.000.000
TỔNG CỘNG	4.145.384.804	7.470.663.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	329.597.299.270	144.418.664.667
Phải thu cổ tức	175.359.346.000	118.883.660.000
Ứng trước tiền trước mua cổ phần (*)	153.250.000.000	25.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	703.034.000	197.945.000
Khác	284.919.270	337.059.667
Dài hạn	150.094.000	140.094.000
Đặt cọc thuê văn phòng	150.094.000	140.094.000
TỔNG CỘNG	329.747.393.270	144.558.758.667
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 16)</i>	<i>328.621.946.000</i>	<i>118.911.174.000</i>
<i>Phải thu bên khác</i>	<i>1.125.447.270</i>	<i>25.647.584.667</i>

(*) Số dư thể hiện khoản ứng trước tiền góp vốn cho AIG theo Hợp đồng mua cổ phần số 01/2019/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 liên quan đến việc mua thêm 15.000.000 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của AIG và khoản ứng trước tiền góp vốn cho AHS theo Hợp đồng mua cổ phần số 003/2019/HĐMCP ngày 17 tháng 9 năm 2019 liên quan đến việc mua thêm 3.250.000 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của AHS với số tiền lần lượt là 134.400.000.000 VND and 18.850.000.000 VND (Thuyết minh số 16).

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND
	Phương tiện vận tải
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.067.190.909</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(59.288.384)
Khấu hao trong năm	<u>(177.865.152)</u>
Số cuối năm	<u>(237.153.536)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>1.007.902.525</u>
Số cuối năm	<u>830.037.373</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng % sở hữu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Giá trị % sở hữu	Giá trị VND	Giá trị % sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (*)	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	818.734.555.900
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	233.613.000.000	73,42	233.613.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (**)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	65,00	170.005.902.488	-	-
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (***)	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp	Đang hoạt động	99,84	53.916.000.000	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Đang hoạt động	100	37.900.000.000	100	37.900.000.000
TỔNG CỘNG				1.845.035.024.316		1.721.827.055.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(29.579.488.216)		(2.600.313.530)
GIÁ TRỊ THUẬN				1.815.455.536.100		1.719.226.742.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty nhận được thông báo trả cổ tức theo Quyết định của Hội đồng Quản trị của ACC ngày 5 tháng 12 năm 2019. Theo đó, Công ty nhận được khoản cổ tức là 368.539.346.000 VND, trong đó, phần lợi nhuận được chia tương ứng với giai đoạn trước ngày kiểm soát ACC là 100.713.934.072 VND. Khoản lợi nhuận này được ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào ACC.

(**) Vào ngày 2 tháng 1 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 4.420.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của AHS (tương ứng với 65% vốn điều lệ) từ ông Nguyễn Viết Hùng với giá chuyển nhượng là 105.005.902.488 VND theo Hợp đồng mua cổ phần ngày 26 tháng 12 năm 2018 và phụ lục số 3 của hợp đồng này. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AHS vào cùng ngày.

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 6.500.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết từ AHS với giá mua là 65.000.000.000 VND theo Hợp đồng mua cổ phần AHS số 001/2019/HĐMCP ngày 30 tháng 7 năm 2019. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AHS vào cùng ngày. Việc mua thêm cổ phần không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của AIG trong AHS.

(***) Vào ngày 4 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 4.493.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của AIC (tương ứng với 99,84% vốn điều lệ) từ ACC với giá chuyển nhượng là 53.916.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 4 tháng 12 năm 2019. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AIC vào cùng ngày.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND			
	Số đầu năm	Dự phòng trích lập trong năm	Hoàn nhập dự phòng	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	-	(26.228.990.177)	-	(26.228.990.177)
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(2.600.313.530)	(750.184.509)	-	(3.350.498.039)
TỔNG CỘNG	(2.600.313.530)	(26.979.174.686)	-	(29.579.488.216)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	71.292.957	153.882.810
Phí bảo hiểm	62.292.957	-
Phí thuê văn phòng	-	153.882.810
Khác	9.000.000	-
Dài hạn	1.010.987.240	1.580.029.686
Chi phí cải tạo văn phòng	833.760.360	1.502.880.720
Thiết bị văn phòng	127.693.565	27.267.802
Khác	49.533.315	49.881.164
TỔNG CỘNG	1.082.280.197	1.733.912.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	1.007.864.000	18.598.000
Lãi vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 16</i>)	161.917.808	-
Chi phí tư vấn	133.000.000	-
Khác	2.802.544	-
TỔNG CỘNG	<u>1.305.584.352</u>	<u>18.598.000</u>

10. VAY NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện khoản vay tín chấp từ AFI, công ty con của Công ty, nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn từ ngày 14 tháng 11 năm 2019 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020 và chịu lãi suất 5,5%/năm (*Thuyết minh số 16*).

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	18.000.000.000	-	(668.742.967)	17.331.257.033
Tăng vốn	1.688.012.980.000	174.000.000.000	-	1.862.012.980.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(5.476.547.949)	(5.476.547.949)
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>(6.145.290.916)</u>	<u>1.873.867.689.084</u>
Năm nay				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(6.145.290.916)	1.873.867.689.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	229.299.435.803	229.299.435.803
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>223.154.144.887</u>	<u>2.103.167.124.887</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu năm	1.706.012.980.000	18.000.000.000
Tăng trong năm	-	1.688.012.980.000
Vốn góp cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>

11.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	267.825.411.928	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.242.983.693	1.843.956.565
Lãi cho bên liên quan vay <i>(Thuyết minh số 16)</i>	827.260.274	122.301.370
TỔNG CỘNG	<u>269.895.655.895</u>	<u>1.966.257.935</u>

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Dự phòng đầu tư vào công ty con	26.979.174.686	2.600.313.530
Lãi vay bên liên quan <i>(Thuyết minh số 16)</i>	809.410.959	2.326.157.535
Lãi vay ngân hàng	232.013	-
TỔNG CỘNG	<u>27.788.817.658</u>	<u>4.926.471.065</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.006.167.500	832.166.838
Chi phí thuê	657.600.494	684.180.000
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 6)	177.865.152	59.288.384
Khác	3.938.363.795	871.743.632
TỔNG CỘNG	<u>12.779.996.941</u>	<u>2.447.378.854</u>

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	68.955.965
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>68.955.965</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	<u>229.299.435.803</u>	<u>(5.407.591.984)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	45.859.887.161	(1.081.518.397)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(53.565.082.386)	-
Chi phí không được trừ	131.198.423	473.063.397
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	68.955.965
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	7.573.996.802	608.455.000
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>68.955.965</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

15.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15.3 Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 40.912.259.008 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.042.274.999 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019
2018	2023	3.042.274.999 (*)	-	-	3.042.274.999
2019	2024	37.869.984.009 (*)	-	-	37.869.984.009
TỔNG CỘNG		40.912.259.008	-	-	40.912.259.008

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế trị giá 40.912.259.008 VND nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
ACC	Công ty con	Cổ tức được chia	368.539.346.000	118.883.660.000	
		Nhận cổ tức	312.063.660.000	-	
		Thanh toán nhận chuyển nhượng vốn góp	53.916.000.000	-	
AIC	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	134.400.000.000	-	
AHS	Công ty con	Góp vốn	83.850.000.000	-	
		Cho vay	30.000.000.000	-	
		Thu hồi cho vay	30.000.000.000	-	
		Lãi cho vay	827.260.274	-	
		Nhận lãi cho vay	827.260.274	-	
AFI	Công ty con	Vay	47.000.000.000	20.000.000.000	
		Chi phí lãi vay	809.410.959	672.657.534	
		Lãi vay đã trả	647.493.151	672.657.534	
		Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	37.900.000.000	
		Trả tiền vay	-	20.000.000.000	
		Cổ tức được chia	-	7.330.000.000	
APIS	Công ty con	Mua hàng	80.646.276	-	
		Góp vốn	-	37.750.000.000	
		Cho vay	-	12.000.000.000	
		Lãi cho vay	-	122.301.370	
		Thu hồi cho vay	-	12.000.000.000	
		Nhận lãi cho vay	-	122.301.370	
ACP	Công ty con	Mua hàng hóa	3.626.363	-	
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Trả tiền gốc vay	-	72.000.000.000	
		Lãi vay đã trả	-	2.615.556.863	
		Chi phí lãi vay	-	1.653.500.001	
		Thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	-	12.600.000	
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám Đốc	Thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	76.000.000	14.400.000	
		Thu lại thuế TNCN phát sinh từ chuyển nhượng cổ phần	76.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Phải thu ngắn hạn khác					
ACC	Công ty con	Phải thu cổ tức	175.359.346.000	118.883.660.000	
AIC	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	134.400.000.000	-	
AHS	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	18.850.000.000	-	
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Chi hộ	12.600.000	12.600.000	
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	14.914.000	
			<u>328.621.946.000</u>	<u>118.911.174.000</u>	
Chi phí phải trả ngắn hạn					
AFI	Công ty con	Lãi vay	<u>161.917.808</u>	-	
Phải trả ngắn hạn khác					
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	-	<u>57.000.000</u>	
Vay ngắn hạn					
AFI	Công ty con	Vay	<u>47.000.000.000</u>	-	
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:					
				VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Lương và thưởng			<u>2.890.000.000</u>	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	867.946.764	615.531.240
Từ 1 đến 5 năm	795.617.867	615.531.240
TỔNG CỘNG	1.663.564.631	1.231.062.480

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 3.250.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết từ AHS với giá mua là 32.500.000.000 VND theo Hợp đồng mua cổ phần số 003/2019/HĐMCP ngày 17 tháng 9 năm 2019. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AHS vào cùng ngày. Việc mua thêm cổ phần không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AHS.

Đại dịch coronavirus (COVID-19) đã dẫn đến các hạn chế trong việc đi lại trong các khu vực của Việt Nam, và làm các hoạt động kinh doanh bị đình trệ, do đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp. Tác động liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, dòng tiền và tình trạng tài chính của Nhóm Công ty chúng tôi có thể không trọng yếu. Tuy nhiên do tính chất không chắc chắn của trường hợp này, hiện tại chúng tôi không thể ước tính ảnh hưởng về mặt tài chính một cách hợp lý tại thời điểm này và sẽ được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Minh Cường
Giám đốc Chuỗi cung ứng

Ngày 30 tháng 3 năm 2020